

Số: 04/2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định chi tiết một số điều của
Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH/15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH/15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH/15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH/15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH/15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH/14;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 269/TTr-XD ngày 24/12/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chi tiết một số nội dung thực hiện Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Quyết định số 5/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

3. Quyết định này bãi bỏ khoản 3 Điều 5; khoản 3, khoản 4 Điều 10 Quy định Một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phó CVP. UBND tỉnh;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, NC (Huấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Phước

QUY ĐỊNH**Chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông
đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2026/QĐ-UBND ngày 14/01/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai, gồm:

1. Khoản 6 Điều 35: Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.
2. Khoản 4, khoản 5 Điều 44: Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị.
3. Khoản 2 Điều 47: Sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa tại địa phương.
4. Khoản 2 Điều 48: Thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động vận tải chở người, chở hàng hóa bằng xe thô sơ, xe bốn bánh có gắn động cơ; vận tải đường bộ trong đô thị; sử dụng xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.
3. Quy định này không áp dụng đối với phương tiện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; xe làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA XE THÔ SƠ, XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA; XE CHỖ HÀNG BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, XE CHỖ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ. THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ BẰNG XE CHỖ HÀNG BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Điều 3. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe mô tô, xe gắn máy kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa tại địa phương

1. Xe thô sơ, xe mô tô, xe gắn máy kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa tại địa phương được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường cao tốc và các tuyến đường cấm hoặc hạn chế lưu thông theo quy định.

2. Xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật và các loại xe tương tự được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ trong phạm vi đô thị, khu dân cư, khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu vui chơi giải trí, trừ đường cao tốc và các tuyến đường cấm hoặc hạn chế lưu thông theo quy định.

Điều 4. Phạm vi hoạt động của xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ

1. Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ chỉ được hoạt động trên các tuyến đường theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 165/2024/NĐ-CP trong phạm vi địa bàn các xã, phường.

2. Các tuyến đường thuộc phạm vi tại khoản 1 Điều này phải có điểm tránh, vượt hoặc bề rộng mặt đường đủ cho hai phương tiện đi ngược chiều tránh, vượt nhau (đối với các tuyến đường không bố trí điểm tránh, vượt).

Điều 5. Thời gian hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ

1. Thời gian hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ:

a) Vào mùa hè (bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 9 hằng năm) thời gian hoạt động vận chuyển 24/24 giờ hằng ngày;

b) Vào mùa đông (bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến hết ngày 31 tháng 3 năm sau) thời gian hoạt động vận chuyển từ 06 giờ đến 23 giờ hằng ngày.

2. Thời gian vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ hoạt động 24/24 giờ trong ngày.

Chương III

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ VÀ TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ

Điều 6. Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Đơn vị kinh doanh vận tải phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô do Sở Xây dựng cấp theo quy định tại Chương II Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

2. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện và quy định như sau:

a) Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Còn niên hạn sử dụng theo quy định tại Điều 40 Luật số 36/2024/QH15 và Chương IV Nghị định số 166/2024/NĐ-CP Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.

c) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp theo quy định tại Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

d) Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 42 Luật số 36/2024/QH15 và quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

đ) Phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải được Sở Xây dựng cấp biển hiệu, phù hiệu theo quy định của Bộ Xây dựng, phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải phương tiện hoạt động khai thác; phù hiệu phải còn giá trị sử dụng và không bị thu hồi, không quá thời hạn so với niên hạn sử dụng của phương tiện theo quy định.

e) Hoạt động vận tải trong đô thị phải thực hiện theo phương án tổ chức giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ về thời gian hoạt động trong ngày đối với khu đô thị (nếu có). Trong quá trình tổ chức và tham gia giao thông, có các biện pháp đảm bảo giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường trong đô thị. Thực hiện triển khai đồng bộ cơ sở dữ liệu, gắn “Thẻ đầu cuối” để thực hiện thanh toán điện tử giao thông theo lộ trình tại Nghị định số 119/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ.

3. Người điều khiển xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Điều 56 và Điều 59 Luật số 36/2024/QH15; có giấy phép lái xe phù hợp, còn hiệu lực, còn điểm theo quy định tại Điều 57 và Điều 58 của Luật số 36/2024/QH15; chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người điều khiển phương tiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Hoạt động vận tải hành khách bằng ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ

1. Quy định chung

a) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật số 36/2024/QH15.

b) Các đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng trong đô thị thực hiện lộ trình chuyển đổi sang phương tiện sử dụng điện và năng lượng xanh theo Quyết định 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải”.

c) Các phương tiện vận tải hành khách phải có dụng cụ thu gom rác thải của hành khách đi trên xe để chuyển đến vị trí quy định, không được để hành khách đi trên xe tự ý bỏ rác thải ra ngoài làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường đô thị. Phương tiện ô tô khách thành phố, xe buýt có thiết bị hỗ trợ người khuyết tật đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng (QCVN 82:2024/BGTVT); Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô khách thành phố (QCVN 10:2024/BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô

a) Chấp hành các quy định về kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo quy định tại Chương II Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

b) Tuân thủ theo phương án tổ chức giao thông của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các tuyến đường hoạt động khai thác.

c) Căn cứ biểu đồ chạy xe đã được Sở Xây dựng phê duyệt và công bố, các doanh nghiệp khai thác tuyến xe buýt, tuyến cố định phải bố trí đủ số lượng xe, chạy đúng tuyến, hành trình, lịch trình đã phê duyệt; trong quá trình thực hiện biểu đồ xe chạy, chỉ được đón, trả khách tại các vị trí đón, trả khách, bến xe hoặc nhà chờ xe buýt đã được phê duyệt; trước khi bắt đầu hành trình và sau

khi kết thúc hành trình, xe chạy tuyến cố định phải có xác nhận của bến xe trên Lệnh vận chuyển.

d) Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng và xe taxi có thể thỏa thuận vị trí đón, trả khách nhưng phải chấp hành các quy định về an toàn giao thông và theo phương án tổ chức giao thông đô thị; trong thời gian đỗ xe chờ đón khách, các xe taxi chỉ được đỗ xe tại các điểm đỗ xe theo quy định.

đ) Xe buýt và xe taxi được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách tại các bến xe, nhà ga, khu du lịch, cơ sở lưu trú, điểm tham quan du lịch, địa điểm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại, đầu mối giao thông và các địa điểm kết nối với các phương thức vận tải khác; được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị.

e) Các đơn vị kinh doanh vận tải phải có trách nhiệm thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé đối với người khuyết tật, người cao tuổi, học sinh, sinh viên.

3. Xe chở khách bốn bánh có gắn động cơ khi hoạt động trong các khu đô thị, tại các địa điểm du lịch, lái xe phải có thái độ văn minh, lịch sự khi giao tiếp với hành khách, không bật nhạc to nơi công cộng làm ảnh hưởng tiếng ồn; không tranh giành khách, ép khách đi xe; không chở quá số người được phép chở; tuân thủ nghiêm các quy định về phạm vi, tuyến đường và thời gian được phép hoạt động.

Điều 8. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ

1. Hoạt động vận chuyển hàng hóa thực hiện theo nhu cầu của khách hàng hoặc theo thỏa thuận giữa chủ hàng và chủ phương tiện nhưng phải tuân thủ quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khi dừng, đỗ để xếp, dỡ hàng hóa phải đúng nơi quy định và bảo đảm an toàn giao thông.

2. Hoạt động vận tải hàng hóa trong đô thị phải chấp hành quy định về tổ chức giao thông của địa phương liên quan đến tuyến đường hoạt động, phương án phân luồng giao thông và thời gian hoạt động của phương tiện.

3. Việc vận chuyển hàng nguy hiểm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 161/2024/NĐ-CP. Xe vận chuyển hàng nguy hiểm không được dừng, đỗ ở nơi đông người, những nơi dễ xảy ra nguy hiểm.

4. Khi phương tiện lưu thông không được để rơi, vãi hàng hóa, rác thải, chất thải xuống đường. Trường hợp để rơi, vãi hàng hóa, rác thải, chất thải xuống đường, lái xe phải có trách nhiệm thu dọn ngay và có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra tai nạn giao thông hoặc gây ô nhiễm môi trường.

5. Không sử dụng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ làm quầy bán hàng lưu động trên đường trong đô thị.

Điều 9. Hoạt động vận tải xe môi trường, xe ô tô chở phế thải rời

1. Xe vệ sinh môi trường phải đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 27, Điều 34, Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu an toàn, kỹ thuật theo quy định.

2. Xe ô tô chở phế thải rời phải đảm bảo các điều kiện về phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật số 36/2024/QH15; khi lưu thông phải được che đậy kín, không để chất phế thải rơi vãi xuống đường; không gây tiếng ồn hoặc bụi bẩn, ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình vận chuyển.

Điều 10. Hoạt động vận tải nội bộ

1. Xe ô tô vận tải người nội bộ, hàng hóa nội bộ thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

2. Vận tải người nội bộ, vận tải hàng hóa nội bộ bằng xe bốn bánh có gắn động cơ thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

3. Xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ vận tải người nội bộ, vận tải hàng nội bộ phải được niêm yết (dán cố định) cụm từ “XE NỘI BỘ” làm bằng vật liệu phản quang trên kính phía trước, trường hợp niêm yết bằng thiết bị điện tử phải bảo đảm cụm từ “XE NỘI BỘ” luôn được bật sáng; không được sử dụng xe nội bộ để kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa hoặc cho thuê để vận chuyển hành khách, hàng hóa. Đối với xe nội bộ chở người chỉ được vận chuyển cán bộ, công nhân viên, người lao động hoặc học sinh, sinh viên của đơn vị mình; các vị trí đón, trả người nội bộ đảm bảo an toàn giao thông và không vi phạm quy định dừng, đỗ xe.

Điều 11. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Đến năm hết năm 2030, đơn vị vận tải có từ 05 phương tiện trở lên hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt trong đô thị, phải đảm bảo tối thiểu 20% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện nêu trên.

2. Đến hết năm 2035, đạt tỷ lệ tối thiểu 30% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật. Trường hợp xe không có thiết bị hỗ trợ, nhân viên phục vụ có trách nhiệm giúp đỡ cho người khuyết tật lên, xuống xe.

Chương IV

THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA XE TẢI, XE VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, XE Ô TÔ CHỖ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, PHÉ THẢI RỜI TRONG ĐÔ THỊ; SỬ DỤNG XE MỐ TÔ, XE GẮN MÁY, XE THÔ SƠ ĐỂ KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA

Điều 12. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường trong đô thị

1. Xe vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường hoạt động trong khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh theo khung giờ: Buổi sáng từ 08 giờ đến 11 giờ; buổi chiều từ 14 giờ đến 16 giờ; buổi tối từ 18 giờ hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau.
2. Xe vận chuyển chất thải nguy hại hoạt động trong khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh theo khung giờ từ 19 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau.
3. Xe vệ sinh môi trường thu gom rác thải sinh hoạt được phép hoạt động 24/24 giờ trong ngày.
4. Trong trường hợp cấp thiết hoặc vào các ngày cao điểm cần đảm bảo vệ sinh môi trường, các phương tiện phục vụ công tác vệ sinh môi trường hoạt động 24/24 giờ trong ngày.

Điều 13. Thời gian hoạt động của xe tải, ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị

1. Xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời (bao gồm cả xe chở đất) có trọng tải dưới 3,5 tấn được phép hoạt động 24/24 giờ trong ngày; xe có trọng tải từ 3,5 tấn trở lên có thiết kế dưới 3 trục hoạt động theo khung giờ: Buổi sáng từ 08 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 14 giờ đến 16 giờ, buổi tối từ 21 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau.
2. Xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng phải được cấp giấy phép lưu hành khi tham gia giao thông trên các tuyến đường trên địa bàn tỉnh; trường hợp lưu thông đi qua các tuyến đường có biển báo hiệu cấm xe 3 trục trở lên, thời gian được phép lưu hành qua các tuyến đường này từ 21h hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau.
3. Thời gian hoạt động của xe 3 trục trở lên trên các tuyến đường có đặt biển báo cấm
 - a) Xe chở các thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết, xe tải và xe máy chuyên dùng phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và trường hợp thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp, sự cố cầu đường: Thời gian hoạt động theo yêu cầu thực tiễn của công việc.
 - b) Xe ô tô trộn và vận chuyển bê tông; xe ô tô phục vụ sửa chữa cầu, đường; xe ô tô chuyên dùng được quy định tại Phụ lục VI được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 Quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch,

năng lượng xanh, thân thiện môi trường. Hoạt động theo khung giờ buổi sáng từ 8h đến 11h; buổi chiều từ 14h đến 16h; buổi tối từ 21h hôm trước đến 6h sáng hôm sau.

c) Xe ô tô tải chuyên dùng quy định tại Phụ lục V (trừ xe ô tô chở rác, xe bê tông) được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT hoạt động trong khung giờ từ 21h hôm trước đến 6h sáng hôm sau.

d) Các xe không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều này hoạt động theo phương án phân luồng giao thông của từng địa phương hoặc phương án phân luồng chung của tỉnh.

Điều 14. Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa

1. Xe thô sơ, xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải tuân thủ các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 31, khoản 5 Điều 33, Điều 35 Luật số 36/2024/QH15; Điều 26 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP.

2. Người điều khiển xe mô tô xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật số 36/2024/QH15 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật số 36/2024/QH15 và thực hiện theo các quy định sau:

a) Đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người điều khiển nhưng phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Không chở hàng hóa nguy hiểm, hàng hóa cấm lưu hành, hàng lậu, động vật hoang dã, hàng có mùi hôi thối hoặc động vật, hàng hóa khác có ảnh hưởng đến sức khỏe của hành khách, môi trường.

4. Không sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ làm quầy bán hàng lưu động trên đường trong đô thị.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, thống kê các loại phương tiện đã được đăng ký và cấp biển số, trong đó bao gồm các phương tiện đã được đăng ký và cấp biển số ở các địa phương khác đang hoạt động tại tỉnh Lào Cai để phục vụ cho công tác quản lý. Kết nối, chia sẻ thông tin từ hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe với các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng chức năng trong địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; phối hợp tuyên truyền, phổ biến Quy định này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương có liên quan tham mưu công tác tổ chức giao thông.

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp khai thác vận tải hành khách công cộng đảm bảo lộ trình thay thế phương tiện sử dụng năng lượng sạch theo Quyết định số 876/QĐ-TTg, đồng thời xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật riêng đối với phương tiện vận tải hành khách cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng (đặc biệt đối với vận tải hành khách bằng xe buýt, tuyến cố định).

d) Chủ trì tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải, quản lý và tổ chức hoạt động vận tải, các quy định tại Quyết định này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, địa phương, đơn vị cung ứng dịch vụ hỗ trợ triển khai các giải pháp, các ứng dụng (app), áp dụng công nghệ vào hoạt động quản lý, vận chuyển hành khách (gọi xe qua ứng dụng di động); ưu tiên sử dụng hoặc tích hợp trên nền tảng dịch vụ đô thị thông minh phục vụ công tác quản lý, giám sát, hỗ trợ vận chuyển hành khách, hàng hoá.

4. Sở Tài chính

a) Phối hợp hướng dẫn kê khai giá cước trong hoạt động kinh doanh vận tải

hành khách, hàng hóa.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định giá dịch vụ ra, vào bến xe khách.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí tại địa phương phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn giao thông và Quy định này cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn quản lý, theo dõi, thống kê tổ chức, cá nhân tham gia vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ; hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức giao thông trên địa bàn quản lý; khảo sát, xác định vị trí đỗ xe theo phân cấp.

c) Quy định điểm tập kết rác thải, chất thải nguy hại trong đô thị, bảo đảm thuận lợi cho việc thu gom, bốc xếp, đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường, mỹ quan và an toàn giao thông.

d) Căn cứ nhu cầu và điều kiện thực tế trên địa bàn, xây dựng và ban hành phương án tổ chức giao thông quy định hoạt động của xe bốn bánh có gắn động cơ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Trường hợp phát sinh nhu cầu hoạt động xe bốn bánh có gắn động cơ hoạt động trên các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường trao đổi, thống nhất với Sở Xây dựng trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan, hướng dẫn các đơn vị vận tải xây dựng kế hoạch phát triển và quản lý phương tiện kinh doanh vận tải bảo đảm phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân và thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn. Xác định số lượng xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phù hợp với thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

e) Phối hợp cơ quan chức năng, cơ quan truyền thông tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và các nội dung tại Quyết định này.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải

1. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai phải tuân thủ theo quy định pháp luật và Quyết định này, mọi hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt (có từ 05 phương tiện trở lên) xây dựng Kế hoạch triển khai quy định về tỷ lệ phương

tiện vận tải hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

3. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe tham gia hoạt động vận tải có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ có thai trong quá trình tham gia vận chuyển hành khách.

4. Hành khách trên xe phải chấp hành nội quy vận chuyển, tuân thủ hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe để đảm bảo an toàn trật tự trên xe; giữ gìn vệ sinh chung, không được xả rác bừa bãi; không được mang theo những loại hàng hóa bị cấm lưu thông, công kênh, gây ô nhiễm môi trường, có khả năng lây nhiễm bệnh, súc vật sống, chất dễ cháy nổ; giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe cho khách đi xe là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ và trẻ em.

Điều 17. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thực hiện theo quy định tại văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

2. Trường hợp các cơ quan, đơn vị được quy định tại Quy định này thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại theo quyết định của cấp thẩm quyền thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cũ chuyển giao cho cơ quan, đơn vị mới. Cơ quan, đơn vị mới tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời thông tin, báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.